New words	*Transcription*		Meaning
	/ə′plaɪ.əns/	(n)	thiết bị, dụng cụ
	/ˌɔː.tə ˈmæt.ɪk/	(adj)	tự động
	/ˈkaː.slˌ/	(n)	lâu đài
	/ˈkʌm.fə.tə.blˌ/	(adj)	đầy đủ, tiện nghi
	/draɪ/	(v)	làm khô, sấy khô
	/ˈhel.ɪˌkɒp.tər/	(n)	máy bay lên thẳng
	/ˌhaɪ ˈtek/	(adj)	kĩ thuật cao
	/ˈhaʊs.bəʊt/	(n)	nhà nổi
	/aɪən/	(v)	là, ủi (quần áo)
	/lʊk ˈaːf.tər/	(v)	trông nom, chăm sóc
	/ˈmɒd.ən/	(adj)	hiện đại
	/ˈməʊ.tə.həʊm/	(n)	nhà lưu động (có ôtô kéo)
	/ˈskaɪˌskreɪ.pər/	(n)	nhà chọc trời
	/smaːt/	(adj)	thông minh
	/ˈsəʊ.lər ˈen.ə.dʒi/	(n)	năng lượng mặt trời
	/speɪs/	(n)	không gian vũ trụ
	/ˈspeʃ.əl/	(adj)	đặc biệt
	/ˌjuː.efˈəʊ/	(n)	vật thể bay, đĩa bay
	/ˈwaɪə.ləs/	(adj)	vô tuyến điện

LIVEWORKSHEETS